

KẾ HOẠCH

Sơ kết 02 năm thực hiện Luật Phòng chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết

Thực hiện kết luận của đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Thông báo Kết luận số 47/TB-VPCP ngày 07/02/2024 và Chương trình công tác năm 2024 của Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm; để đánh giá toàn diện việc thi hành Luật phòng, chống ma túy năm 2021, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, chỉ rõ nguyên nhân, tìm ra giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống. Đồng thời, thực hiện Kế hoạch 186/KH-BCA-C04 ngày 11/4/2024 của Bộ Công an về sơ kết 02 năm thực hiện Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch sơ kết 02 năm thực hiện Luật Phòng chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá đúng thực trạng tình hình, kết quả sau 02 năm triển khai thực hiện Luật phòng chống ma túy và các văn bản quy định chi tiết trên địa bàn tỉnh (*những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện*).

2. Làm rõ những tác động, tính phù hợp, khả thi của các quy định trong Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết; khó khăn, vướng mắc, bất cập giữa Luật phòng, chống ma túy năm 2021 với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Đề xuất các giải pháp để tổ chức thi hành Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết đạt hiệu quả cao hơn nữa; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

4. Việc sơ kết được tiến hành nghiêm túc, khoa học, khách quan, toàn diện, nội dung tổng kết thiết thực, phản ánh đúng tình hình thực tiễn.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP

1. Phạm vi

- Sơ kết việc thi hành Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

- **Mốc thời gian thông tin, số liệu sơ kết: Từ ngày 01/01/2022 (ngày Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết có hiệu lực) đến**

ngày 14/3/2024.

2. Nội dung (có đề cương chi tiết kèm theo)

Việc sơ kết 02 năm thực hiện Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 tập trung vào các nội dung cơ bản như sau:

- Kết quả thi hành Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết cụ thể trên các mặt: ⁽¹⁾ Công tác tổ chức triển khai, tham mưu, hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết; ⁽²⁾ Trách nhiệm của các nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy; ⁽³⁾ Kết quả kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; ⁽⁴⁾ Công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện; các nội dung quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy; ⁽⁵⁾ Việc bố trí nguồn lực, kinh phí cho công tác phòng, chống ma túy.

- Tồn tại, hạn chế trong thi hành Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết. Nguyên nhân (*khách quan, chủ quan*).

- Những bất cập trong các quy định của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết.

- Đề xuất, kiến nghị.

3. Phương pháp

- Các sở, ngành liên quan tiến hành sơ kết, đánh giá toàn diện Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết trên các mặt công tác, gửi báo cáo về UBND tỉnh (*qua Công an tỉnh*) **trước ngày 13/5/2024**.

- Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố: Tiến hành sơ kết ở tất cả cấp xã, sau đó cấp huyện sơ kết **hoàn thành trước ngày 12/5/2024** và gửi báo cáo về UBND tỉnh (*qua Công an tỉnh*) **trước ngày 13/5/2024**.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc, báo cáo đúng thời gian quy định.

2. Giao Công an tỉnh hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch này; xây dựng Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết của UBND tỉnh theo đề cương hướng dẫn gửi về Bộ Công an **trước ngày 15/5/2024**; chỉ đạo Công an các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn cấp xã tổ chức sơ kết 02 năm thực hiện Luật phòng chống ma túy và các văn bản quy định chi tiết; đồng thời tham mưu UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức sơ kết 02 năm thực hiện Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết ở địa phương.

Quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các sở,

ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trao đổi Công an tỉnh (*Phòng Tham mưu, điện thoại 069.4329270*) để hướng dẫn./.

Nơi nhận: *Nơi*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an (V01, C04);
- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Tư pháp; Y tế; Lao động Thương binh & Xã hội; Tài chính; Giáo dục & Đào tạo; Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ Đội biên phòng tỉnh;
- Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Hải Long



ĐỀ CƯƠNG

Số kết 02 năm thực hiện Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và các văn bản quy định chi tiết

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số... 1066/KH- UBND ngày .07/5/2024 của UBND tỉnh)

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI LUẬT PHÒNG, CHỐNG MA TÚY NĂM 2021 VÀ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

- Công tác tổ chức triển khai, tham mưu, hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống ma túy 2021 và các văn bản quy định chi tiết¹, nêu cụ thể các kế hoạch, văn bản chỉ đạo. Việc thực hiện Công điện, Thông báo của Chính phủ².

- Công tác tổ chức tập huấn chuyên sâu cho lực lượng trực tiếp thực hiện các quy định Luật phòng, chống ma túy; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, quần chúng nhân dân, cá nhân, gia đình trong phòng chống tội phạm và tệ nạn ma túy (các hình thức tuyên truyền, cách làm hay, sáng tạo...)

- Việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc cấp xã, huyện. Thực trạng hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp xã, huyện.

- Công tác ban hành Nghị quyết chính sách phòng, chống ma túy; việc bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương cho công tác phòng, chống ma túy ở 3 cấp (tỉnh, huyện, xã).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

1. Đánh giá trách nhiệm, vai trò của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy.

2. Hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy (Công an, Bộ đội Biên phòng, Hải quan).

- Kết quả hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy. Số vụ/đối tượng bắt giữ; số chuyên án/đối tượng bắt giữ, số vật chứng thu giữ.

- Công tác phối hợp của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy trên địa bàn, trong đó phân tích cụ thể:

¹ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy (sau đây gọi tắt là Nghị định 105).

- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy (sau đây gọi tắt là Nghị định 116).

- Nghị định số 109/2021/NĐ-CP ngày 08/12/2021 của Chính phủ quy định cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy và hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy (sau đây gọi tắt là Nghị định 109).

- Thông tư số 18/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chẩn đoán và quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy (sau đây gọi tắt là Thông tư số 18).

- Pháp lệnh số 01/2022/UBTNQH15 ngày 24/3/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh số 01).

² Công điện số 365/CD-TTg ngày 20/4/2022 chỉ đạo, đôn đốc triển khai quyết liệt, hiệu quả công tác xác định tình trạng nghiện ma túy và cai nghiện ma túy theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2021.

+ Số vụ/đối tượng, chuyên án/đối tượng có sự phối hợp của các Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, số vật chứng thu giữ.

+ Số vụ/đối tượng do Bộ đội Biên phòng, Hải quan trực tiếp phát hiện chuyển cơ quan Công an điều tra theo thẩm quyền.

-Việc tổ chức giao ban định kỳ 4 lực lượng theo quy định tại Nghị định 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy.

3. Công tác kiểm soát các hoạt động hợp pháp về ma túy

3.1. Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

3.2. Kết quả công tác kiểm soát các hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

3.3. Kết quả công tác kiểm soát các hoạt động mua bán, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

3.4. Thống kê danh sách cụ thể các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

3.5. Số vụ vi phạm (*hành chính, hình sự*) đã phát hiện trong lĩnh vực kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

3.6. Những sơ hở, thiếu sót trong kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy mà tội phạm ma túy có thể lợi dụng để sản xuất trái phép chất ma túy; các kiến nghị, giải pháp phòng ngừa.

4. Công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

4.1. *Những kinh nghiệm, cách làm hay, sáng tạo, mô hình hiệu quả trong công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy ở địa phương.*

4.2. *Số liệu người sử dụng trái phép chất ma túy*

- Tổng số người sử dụng trái phép chất ma túy tính đến ngày 14/03/2024.

- So sánh số người sử dụng trái phép chất ma túy năm 2022 với năm 2023, số tăng, giảm trong đó nêu rõ lý do tăng, giảm.

- Số người sử dụng trái phép chất ma túy có Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy tính đến ngày 14/03/2024; trong đó, phân tích cụ thể:

+ Số người sử dụng trái phép chất ma túy có nơi cư trú ổn định:

+ Số người sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định:

- Từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024, có bao nhiêu người sử dụng trái phép chất ma túy do Chủ tịch UBND cấp xã ra Quyết định quản lý? Phân tích cụ thể:

+ Số người sử dụng trái phép chất ma túy có nơi cư trú ổn định:
+ Số người sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định:
- Số người sử dụng trái phép chất ma túy chưa có Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy tính đến ngày 14/03/2024, nêu rõ lý do?

- Người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển đến cư trú ở địa bàn khác, trong đó phân tích rõ:

+ Số xác định được nơi chuyển đến, thông báo và chuyển hồ sơ cho nơi chuyển đến để tiếp tục quản lý;

+ Số không xác định được nơi chuyển đến, nêu rõ lý do? Số đã tiến hành các biện pháp để xác minh nơi chuyển đến.

- Số người sử dụng trái phép chất ma túy đưa ra khỏi danh sách quản lý từ 01/01/2022 đến 14/03/2024 là:....., trong đó phân tích cụ thể:

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy được xác định là người nghiện ma túy:.... người.

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy:.....

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng:.....

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy phải thi hành án phạt tù:....

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy trong danh sách quản lý chết, bị tòa tuyên bố là mất tích:....

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy chuyển đến cư trú ở địa phương *khác* (khi xác minh được nơi chuyển đến):....

+ Số hết thời hạn quản lý không có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy:....

+ Lý do khác (*ghi rõ lý do*).

- Số người sử dụng trái phép chất ma túy đưa ra khỏi danh sách sau đó phát hiện tiếp tục sử dụng đưa lại vào danh sách (*số người tái sử dụng trái phép chất ma túy*).

4.3. Thực trạng công tác phát hiện, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân của những khó khăn.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin liên quan đến người sử dụng trái phép chất ma túy; việc phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trong thực hiện công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

4.4. Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể

- Số người được thực hiện xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024; số người có kết quả dương tính với chất ma túy trong

cơ thể....; số người có kết quả âm tính với chất ma túy trong cơ thể.....

- Số người thuộc trường hợp xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể nhưng không chấp hành, thực hiện hành vi chống đối lại người có thẩm quyền xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể do đó không thực hiện được.

- Những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, nguyên nhân của những khó khăn.

4.5. Công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

4.5.1. Người sử dụng trái phép chất ma túy có biểu hiện loạn thần “ngáo đá”

- Thống kê lập danh sách số người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy có biểu hiện loạn thần “ngáo đá” đến ngày 14/03/2024.

- Số vụ phạm tội hình sự (*giết người, cố ý gây thương tích*), vi phạm giao thông do người sử dụng ma túy tổng hợp có biểu hiện loạn thần “ngáo đá” gây ra từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024.

- Các biện pháp quản lý để ngăn chặn số người này thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, nhất là trong phòng ngừa các hành vi cố ý gây thương tích, giết người.

4.5.2. Người sử dụng trái phép chất ma túy vi phạm pháp luật bị phát hiện, bắt giữ (từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024)

- Số vi phạm hành chính:

+ Vi phạm hành chính về ma túy:

+ Vi phạm hành chính khác:

- Số phạm tội:

+ Phạm tội về ma túy:

+ Phạm tội khác, trong đó phân tích cụ thể: số phạm tội giết người, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng, cướp giật, trộm cắp tài sản...

4.5.3. Người sử dụng ma túy tham gia điều khiển phương tiện giao thông và gây tai nạn giao thông (từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024).

4.6. Đánh giá toàn diện công tác đấu tranh phòng, chống hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy “núp bóng” thuốc lá điện tử, đồ uống, thực phẩm và tình trạng sử dụng “bóng cườì” (phân tích số liệu cụ thể).

4.7. Phân tích số liệu người sử dụng trái phép chất ma túy bị phát hiện qua kiểm tra hành chính, vụ việc, người điều khiển phương tiện giao thông nhưng không có trong danh sách quản lý ở nơi cư trú.

5. Công tác cai nghiện ma túy

5.1. Số liệu người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy

- So sánh số người nghiện ma túy năm 2022 với năm 2023, số tăng, giảm; lý do tăng, giảm.

- Tổng số người nghiện ma túy tính đến ngày 14/03/2024. Trong đó phân tích cụ thể:

+ Số đang ở ngoài xã hội, phân tích rõ:

Số chưa thực hiện biện pháp cai nghiện nào hiện đang ở ngoài xã hội (*ghi rõ lý do*):

Số đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

Số đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế:

Số đang ở ngoài xã hội lý do khác:

+ Số đang trong cơ sở cai nghiện, phân tích rõ:

Số đang cai nghiện bắt buộc ở cơ sở cai nghiện ma túy công lập:

Số đang cai nghiện tự nguyện ở cơ sở cai nghiện ma túy công lập:

Số đang cai nghiện tự nguyện ở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện:

+ Số đang trong Nhà tạm giữ:

+ Số đang trong Trại tạm giam:

- Tổng số người quản lý sau cai nghiện ma túy tính đến ngày 14/03/2024.

- Số người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy chuyển đến cư trú ở địa bàn khác từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024, trong đó:

+ Số xác định được nơi chuyển đến

+ Số không xác định được nơi chuyển đến, nêu rõ lý do, số đã tiến hành các biện pháp nhằm xác minh nơi chuyển đến.

- Số người nghiện, người quản lý sau cai nghiện ma túy đưa ra khỏi danh sách quản lý từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024 là: trong đó phân tích cụ thể:

+ Số chấp hành xong quyết định quản lý sau cai nghiện:

+ Số chuyển đến cư trú ở địa phương khác (*khi xác minh được nơi chuyển đến*):

+ Số chết, bị Tòa án tuyên bố mất tích:

+ Lý do khác (*ghi rõ lý do*).

- Số người tái nghiện, phân tích cụ thể: số người tái nghiện trong thời gian bị quản lý sau cai; số người tái nghiện khi được đưa ra khỏi danh sách người nghiện, người bị quản lý sau cai.

5.2. Công tác xác định tình trạng nghiện

- Thống kê tổng số người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện; số cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện. Phân tích rõ số cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy thuộc tuyến tỉnh, huyện, xã; số xã chưa có cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy đến ngày 14/03/2024.

- So sánh số người được xác định tình trạng nghiện năm 2022 với năm 2023

- Tổng số người được xác định tình trạng nghiện từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024; số người có kết quả xác định tình trạng nghiện là không nghiện ma túy; số người có kết quả xác định tình trạng nghiện là nghiện ma túy, kết quả xử lý:

- + Số thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:
- + Số thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy:
- + Số người nghiện các chất dạng thuốc phiện đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc bằng thuốc thay thế:
- + Số người nghiện được lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc:
- + Xử lý khác; chưa xử lý (*nếu có*), ghi rõ hình thức xử lý:
- Số người bị tạm giữ hành chính để xác định tình trạng nghiện.
- Thực trạng công tác xác định tình trạng nghiện. Những khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân khó khăn trong thực hiện xác định tình trạng nghiện, trong đó cần phân tích do các quy định hay do công tác tổ chức thực hiện.

5.3. Công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

- Việc tổ chức các cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện để thực hiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo quy định của Nghị định số 116.

- Tổng hợp số liệu sau:

+ Số người có quyết định cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024.

+ Số người hoàn thành cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024.

+ Số huyện đã công bố danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Số tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn.

+ Số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

- Thực trạng công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc; đề xuất các giải pháp thực hiện trong thời gian tới được tốt hơn.

5.4. Công tác cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện

- Số người đăng ký cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024. Trong đó phân tích số người đăng ký cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Số người hoàn thành cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024.

- Tổng số cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh, quy mô sức chứa của các cơ sở này.

5.5. Công tác cai nghiện bắt buộc

- Tổng hợp các số liệu sau:

+ Tổng số người nghiện được lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024.

+ Số người nghiện từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi được lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024.

+ Tổng số học viên đang cai nghiện bắt buộc trong cơ sở cai nghiện ma túy công lập đến ngày 14/03/2024.

+ Số người cai nghiện bắt buộc mà cơ sở cai nghiện công lập tiếp nhận từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024.

+ Số người nghiện từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi mà cơ sở cai nghiện công lập tiếp nhận từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024.

+ Số người hoàn thành cai nghiện bắt buộc từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024.

+ Số người nghiện ma túy đã có quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng chưa thi hành, phân tích cụ thể lý do.

+ Số người nghiện ma túy đã có quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng người nghiện bỏ trốn.

+ Số cơ sở cai nghiện ma túy công lập; quy mô, sức chứa từng cơ sở, hiện cơ sở đang cai nghiện cho bao nhiêu người, còn lại có thể tiếp nhận được bao nhiêu người nghiện. Đánh giá quy mô, sức chứa của cơ sở cai nghiện công lập, có đáp ứng được với thực trạng người nghiện ma túy trên địa bàn không?

- Thực trạng công tác lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân của những khó khăn, phân tích rõ do quy định của pháp luật hay do tổ chức thực hiện. Sự phối hợp giữa các cơ quan trong công tác lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Thực trạng điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện và nhân lực của các cơ sở cai nghiện ma túy công lập so sánh đối chiếu với các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 116.

- Việc bố trí khu cai nghiện cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và công tác cai nghiện bắt buộc cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo quy định mới của Luật Phòng, chống ma túy, trong đó đặc biệt chú ý nội dung tổ chức học văn hóa cho người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

5.6. Công tác quản lý sau cai nghiện ma túy

- Thực trạng công tác quản lý sau cai nghiện ma túy. Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân của những khó khăn.

- Các hoạt động hỗ trợ của địa phương đối với người bị quản lý sau cai nghiện ma túy (*hỗ trợ việc làm, vay vốn, hoạt động xã hội...*) để họ hòa nhập cộng đồng.

5.7. Số người nghiện ma túy vi phạm pháp luật bị phát hiện, bắt giữ từ ngày 01/01/2022 đến 14/03/2024

- Số vi phạm hành chính:

+ Vi phạm hành chính về ma túy

+ Vi phạm hành chính khác

- Số phạm tội:

+ Phạm tội về ma túy

+ Phạm tội khác, trong đó phân tích cụ thể: số phạm tội giết người, cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng, cướp giật, trộm cắp tài sản.

6. Công tác cập nhật danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy lên phần mềm Quản lý đối tượng theo chức năng của Công an cấp xã trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Phân tích cụ thể:

- Tổng số người sử dụng trái phép chất ma túy đã cập nhật lên phần mềm.

- Tổng số người nghiện ma túy đã được cập nhật lên phần mềm.

- Tổng số người bị quản lý sau cai đã được cập nhật lên phần mềm.

Những khó khăn, vướng mắc trong công tác cập nhật danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy lên phần mềm và kiến nghị, đề xuất.

7. Kết quả công tác hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy: Nêu cụ thể hoạt động hợp tác trao đổi thông tin về tội phạm ma túy; công tác phối hợp với các nước, các tổ chức quốc tế trong đấu tranh tội phạm ma túy; tranh thủ nguồn lực, tài trợ từ nước ngoài cho công tác phòng, chống ma túy.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Nêu cụ thể khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, chỉ rõ các quy định bất cập ở trong các quy định.

- Những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Luật Phòng, chống ma túy và các văn bản quy định chi tiết.

3. Nguyên nhân hạn chế, khó khăn, vướng mắc: Phân tích cụ thể các nguyên nhân khách quan, chủ quan.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Nêu rõ các kiến nghị và đề xuất các giải pháp để thực hiện Luật Phòng, chống ma túy và các văn bản quy định chi tiết đạt kết quả cao hơn.

Kiến nghị, sửa đổi về pháp luật nêu cụ thể sửa đổi như thế nào, ở điều, khoản, văn bản pháp luật nào. ***Đây là nội dung quan trọng, yêu cầu cần tập trung kiến nghị, đề xuất.***
